TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Võ Thanh Nhàn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Xuân Hoài, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 895/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 526/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: khu L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày*, do tự tìm hiểu nhau, bà T và ông V kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 15/4/2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh có 04 con chung tên Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 16/9/2009; Nguyễn

Lê Phước Đ, sinh ngày 08/8/2011; Nguyễn Lê Thúy A1, sinh ngày 10/02/2017; Nguyễn Lê Hồng Â, sinh ngày 07/7/2020. Hiện 03 con chung tên Phương A, A1, Â đang sống chung với bà T, con chung tên Đ sống chung với ông V.

Trong thời gian chung sống, bà T và ông Vũ s hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chồng không lo làm ăn, không lo kinh tế nuôi con, hay uống rượu bia, không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V; đồng ý để ông V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Lê Phước Đ, bà T không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung tên Phương A, A1, Â, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 15/4/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Phước V (bản sao); giấy khai sinh số 173 ngày 15/8/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Lê Phước Đ (bản sao); giấy khai sinh số 271 ngày 21/9/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho cấp cho Nguyễn Lê Phương A (bản sao); giấy khai sinh số 36/2017 ngày 21/3/2017 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ cấp cho Nguyễn Lê Thúy A1 (bản sao); giấy khai sinh số 111/2020 ngày 11/9/2020 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ cấp cho Nguyễn Lê Hồng Â (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Phước V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông V kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V. bà T và ông V không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 03 cháu Phương A, A1, Â cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 01 cháu Nguyễn Lê Phước Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi 03 cháu Phương A, A1, Â. Ông V không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V; ông V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Lê Phước Đ; bà T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Phước Đ. Bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Phương A, A1, Â, ông V không phải cấp dưỡng nuôi 03 cháu Phương A, A1, Â.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước V. Đồng thời, ông Vũ cư t trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Phước V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà T và ông V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống và không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 04 con chung tên Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 16/9/2009; Nguyễn Lê Phước Đ, sinh ngày 08/8/2011; Nguyễn Lê Thúy A1, sinh ngày 10/02/2017; Nguyễn Lê Hồng Â, sinh ngày 07/7/2020, bà T đồng ý để ông V được tiếp tục nuôi 01 con chung Nguyễn Lê Phước Đ, bà T yêu cầu nuôi 03 con chung Nguyễn Lê Phương A, Nguyễn Lê Thúy A1, Nguyễn Lê Hồng Â.

Xét thấy, 01 con chung tên Đ đang được ông V chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định và cháu A, A1, Â đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, theo ý chí của bà T và ông V cũng không có ý kiến phản đối ý kiến của bà T, hơn nữa tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/8/2024 do cán bộ Tòa án lập các cháu A1, Anh có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ (bà T) sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu A, A1, Â cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T, ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Phước V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 15/4/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Phước V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Lê Phương A, sinh ngày 16/9/2009, Nguyễn Lê Thúy A1, 10/02/2017, Nguyễn Lê Hồng Â, sinh ngày 07/7/2020. Ông Nguyễn Phước V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Phước V được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Lê Phước Đ, sinh ngày 08/8/2011. Bà Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Phước V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung Nguyễn Lê Phương A, Nguyễn Lê Thúy A1, Nguyễn Lê Hồng Â.

Ông Nguyễn Phước V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Lê Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Nguyễn Lê Phước Đ.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015797 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 7 năm 2024; bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Phước V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Phước V được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy